TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Chị Hoàng Thị Kim A, sinh năm 1992.

2/ Anh Dương Đình Ngọc S, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: khu phố 3, phường H, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hoàng Thị Kim Anh và anh Dương Đình Ngọc Sơn tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường X, thành phố P, tỉnh B (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 31/3/2020. Nay cả hai xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Kim A và anh Dương Đình Ngọc S thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung:

Chị Hoàng Thị Kim A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Đình Thiện N - Sinh ngày 22/01/2021.

Anh Dương Đình Ngọc S tự nguyện, đồng ý, thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Dương Đình Ngọc S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí:

Chị Hoàng Thị Kim A và anh Dương Đình Ngọc S, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí. Chị Hoàng Thị Kim A và anh Dương Đình Ngọc S đã nộp đủ 300.000 đồng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002444 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh L nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lương Đặng Tân

TAND KHU VỰC 12



OTU240226.TL.QDBA
648